VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01081/2024/PKQ (24.265)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 15/03/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,32	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	pH[(b)]	-	7,35	-	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Coban (Co)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	1,59	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
9	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Selen (Se)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Asen (As)[(a,b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
12	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,32	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
14	$CN^{-(d)}$	ppm	KPH (MDL = 0,2)	208,86	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
16	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
17	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
18	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
19	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h00' ngày 15/03/2024
(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,14,16,17,18,19 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*
- Hàm lượng tuyệt đối Htc, *T= 0,32*

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01319/2024/PKQ (24.349)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 03/04/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,21	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[(b)]	-	7,41	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
3	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	249,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	0,43	9,98	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,0755	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	10,6	499	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,1	24,95	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	0,22	2,495	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	7,37	74,85	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	0,0014	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)[(b)]	ppm	1,37	399,2	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,21	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
14	Coban (Co)[b]	mg/L	0,0081	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	0,15	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[b]	ppm	655,38	1.247,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[b]	ppm	6,75	349,3	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[b]	mg/L	0,0062	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[b]	ppm	1,16	4,99	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[b]	mg/L	0,0014	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	0,998	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[b]	ppm	KPH (MDL = 6)	24,95	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-[d]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	147,205	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[b]	ppm	KPH (MDL = 20)	249,5	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol[d]	ppm	KPH (MDL = 0,005)	4.990	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,21	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	2,495	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4.990	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h50' ngày 03/04/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 2,3,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

***- QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01689/2024/PKQ (24.469)

Đơn vị được lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 03/05/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[(b)]	-	7,35	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
3	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	287,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	0,54	11,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,0262	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	31,09	575	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,6	28,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	0,2	2,875	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	25,96	86,25	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	0,0038	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)[(b)]	ppm	1,58	460	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
14	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0008	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)(b)	ppm	567,97	1.437,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)(b)	ppm	6,31	402,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0036	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)(b)	ppm	2,9	5,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)(b)	mg/L	0,0004	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	0,0011	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)(b)	ppm	0,23	1,15	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	28,75	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-(d)	ppm	KPH (MDL = 0,2)	169,625	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	287,5	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	5.750	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	2,875	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	402,5	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	5.750	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h30' ngày 03/05/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 2,3,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02325/2024/PKQ (24.621)

Đơn vị được lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 04/06/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,22	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[b]	-	7,35	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Naptalen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
3	Naptalen[d]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	259	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
4	Asen (As)[b]	ppm	0,01	10,36	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Asen (As)[b]	mg/L	0,008	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[b]	mg/L	0,0493	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
7	Bari (Ba)[b]	ppm	0,03	518	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	25,9	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
9	Bạc (Ag)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	2,59	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
11	Cadimi (Cd)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	77,7	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,22	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0019	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	414,4	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
15	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0067	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
16	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
17	Kẽm (Zn)(b)	ppm	720,52	1.295	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
18	Niken (Ni)(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	362,6	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
19	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0189	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	5,18	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
21	Selen (Se)(b)	mg/L	0,0117	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)(d)	ppm	0,01	1,036	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	25,9	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-(d)	ppm	KPH (MDL = 0,2)	152,81	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	259	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	5.180	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,22	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	2,875	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	5.750	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h20' ngày 04/06/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,23,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03014/2024/PKQ (24.786)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 01/07/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,17	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[(b)]	-	7,35	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
3	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	259	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	1,47	8,46	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,0254	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	43,07	423	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,25	21,15	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	0,1	2,115	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	28,08	63,45	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,17	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Coban (Co)[b]	ppm	3,14	338,4	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[b]	mg/L	0,0026	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[b]	ppm	324,11	1.057,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[b]	ppm	11,53	296,1	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[b]	mg/L	0,0029	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[b]	ppm	3,5	4,23	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[b]	mg/L	0,0004	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	0,846	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[b]	ppm	KPH (MDL = 6)	21,15	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^{-}[d]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	124,785	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[b]	ppm	KPH (MDL = 20)	211,5	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol[d]	ppm	KPH (MDL = 0,005)	4.230	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,17	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	- -	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	2,115	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4.230	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h30' ngày 01/07/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

***- QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03769/2024/PKQ (24.999)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 05/08/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	477,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
3	pH[(b)]	-	7,41	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	0,33	19,1	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,296	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	10,61	955	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,03	47,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	4,775	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	2,65	143,25	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Coban (Co)(b)	ppm	0,89	764	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0009	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)(b)	ppm	606,35	2.387,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)(b)	ppm	2,59	668,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0016	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)(b)	ppm	0,58	9,55	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,91	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	47,75	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-(d)	ppm	KPH (MDL = 0,2)	281,725	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	477,5	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	9.550	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270D
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4,775	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	9.550	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h35' ngày 05/08/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

*- **QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04360/2024/PKQ (24.1203)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 05/09/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	477,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
3	pH[(b)]	-	7,35	2,0 - 12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	0,54	19,1	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,061	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	11,61	955	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,19	47,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	4,775	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	3,11	143,25	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	0,0009	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Coban (Co)[b]	ppm	1,26	764	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[b]	mg/L	0,0075	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	0,15	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[b]	ppm	1.127,27	2.387,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[b]	ppm	4	668,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[b]	mg/L	0,005	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[b]	ppm	2,47	9,55	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[b]	mg/L	0,0007	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[b]	ppm	0,01	1,91	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[b]	ppm	KPH (MDL = 6)	47,75	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-[d]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	281,725	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[b]	ppm	KPH (MDL = 20)	477,5	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol[d]	ppm	KPH (MDL = 0,005)	9.550	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,45	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
30	Phenol[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 8270D
32	Benzen[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4,775	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 8270E
34	Clobenzen[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,001)	9.550	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h40' ngày 05/09/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05008/2024/PKQ (24.1374)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 01/10/2024
Thời gian thử nghiệm: 01/10/2024 – 17/10/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	Naptalen[d]	ppm	KPH (MDL = 0,001)	468	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
3	pH[b]	-	7,21	2,0-12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)[b]	ppm	1,68	18,72	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[b]	mg/L	0,0379	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[b]	ppm	18,2	936	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[b]	ppm	0,12	46,8	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	4,68	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[b]	ppm	3,32	140,4	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Chì (Pb)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)(b)	ppm	1,65	748,8	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0082	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,34	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)(b)	ppm	798,76	2.340	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)(b)	ppm	8,11	655,2	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0109	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)(b)	ppm	2,97	9,36	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)(b)	mg/L	0,0022	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)(b)	mg/L	0,0025	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)(b)	ppm	0,01	1,872	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	46,8	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^{-}(d)	ppm	KPH (MDL = 0,2)	276,12	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu(b)	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	468	-	US EPA Method 9071B

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	9.360	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270D
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4,68	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E
34	Clobenzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	655,2	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	9.360	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8270E

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h00' ngày 01/10/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

*- **QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istec@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06351/2024/PKQ (24.1624)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 04/11/2024
Thời gian thử nghiệm: 04/11/2024 – 03/12/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5
Toạ độ: X: 1183030 Y: 654051

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen(d)	ppm	<0,003	287,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
2	pH(b)	-	7,35	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Asen (As)(b)	ppm	15,43	11,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
4	Bari (Ba)(b)	ppm	137,99	575	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bạc (Ag)(b)	ppm	0,74	28,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
6	Cadimi (Cd)(b)	ppm	0,44	2,875	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Chì (Pb)(b)	ppm	88,48	86,25	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Coban (Co)(b)	ppm	13,04	460	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Kẽm (Zn)(b)	ppm	3.578,95	1.437,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
10	Niken (Ni)(b)	ppm	63,55	402,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
11	Selen (Se)(b)	ppm	78,44	5,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Thủy ngân (Hg)(b)	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,15	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})(b)	ppm	KPH (MDL = 6)	28,75	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
14	CN^-(d)	ppm	<0,04	169,625	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu(b)	ppm	KPH (MDL = 20)	287,5	-	US EPA Method 9071B
16	Phenol(d)	ppm	<0,32	5.750	-	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650C + US EPA Method 8041A
17	Benzen(d)	ppm	<0,003	2,875	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
18	Clobenzen(d)	ppm	<0,003	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
19	Toluen(d)	ppm	<0,003	5.750	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h45' ngày 04/11/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,14,16,17,18,19 do Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - 025 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06351-2/2024/PKQ (24.1624)

Đơn vị được lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 04/11/2024
Thời gian thử nghiệm: 04/11/2024 – 03/12/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5 - Ngâm chiết

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Nồng độ ngâm chiết Ctc	Phương pháp phân tích
1	Bari (Ba)(b)	mg/L	0,067	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
2	Bạc (Ag)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
3	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0006	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0146	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,78	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
7	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0244	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Selen (Se)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Asen (As)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Nồng độ ngâm chiết Ctc	Phương pháp phân tích
10	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06351/2024/PKQ (24.1624)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 04/11/2024
Thời gian thử nghiệm: 04/11/2024 – 03/12/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5
Toạ độ: X: 1183030 Y: 654051

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	ppm	<0,003	287,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
2	pH[(b)]	-	7,35	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Asen (As)[(b)]	ppm	15,43	11,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
4	Bari (Ba)[(b)]	ppm	137,99	575	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,74	28,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
6	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	0,44	2,875	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Chì (Pb)[(b)]	ppm	88,48	86,25	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Coban (Co)[(b)]	ppm	13,04	460	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Kẽm (Zn)[(b)]	ppm	3.578,95	1.437,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
10	Niken (Ni)[(b)]	ppm	63,55	402,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
11	Selen (Se)[(b)]	ppm	78.44	5,75	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,25	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Thủy ngân (Hg)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,15	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
13	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	ppm	KPH (MDL = 6)	28,75	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
14	CN^{-}[(d)]	ppm	<0,04	169,625	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
15	Tổng dầu[(b)]	ppm	KPH (MDL = 20)	287,5	-	US EPA Method 9071B
16	Phenol[(d)]	ppm	<0,32	5.750	-	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650C + US EPA Method 8041A
17	Benzen[(d)]	ppm	<0,003	2,875	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
18	Clobenzen[(d)]	ppm	<0,003	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
19	Toluen[(d)]	ppm	<0,003	5.750	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h45' ngày 04/11/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,14,16,17,18,19 do Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - 025 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06351-2/2024/PKQ (24.1624)

Đơn vị được lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 04/11/2024
Thời gian thử nghiệm: 04/11/2024 – 03/12/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Nhơn trạch 5 - Ngâm chiết

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT Nồng độ ngâm chiết Ctc	Phương pháp phân tích
1	Bari (Ba)(b)	mg/L	0,067	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
2	Bạc (Ag)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
3	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
4	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0006	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
5	Coban (Co)(b)	mg/L	0,0146	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	0,78	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
7	Niken (Ni)(b)	mg/L	0,0244	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
8	Selen (Se)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Asen (As)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT	Phương pháp phân tích
				Nồng độ ngâm chiết Ctc	
10	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Crom VI (Cr^{6+})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*

(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.